

MÁY NHẬN XÉT VỀ NHỮNG TỪ NGỮ GỐC ANH TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG HÀN

Trần Văn Tiếng

1. Mở đầu

Do nhiều nguyên nhân khách quan, đặc biệt là trong tiến trình tiếp xúc ngôn ngữ và giao lưu văn hoá, hiện tượng tiếp nhận và sử dụng những từ ngữ có nguồn gốc khác vào trong hệ thống của một ngôn ngữ nào đó là một hiện tượng phổ biến. Thực tế, khái niệm “từ vay mượn”, “từ ngoại lai”, “từ ngoại nhập” vẫn chưa phản ánh hết bản chất của hiện tượng này trong hoạt động nói năng của một cộng đồng sử dụng ngôn ngữ bản địa. Cách gọi “từ ngữ nước ngoài” có lẽ là cách gọi khá phổ biến của những người quan tâm nghiên cứu vì nó mang tính khái quát hơn cả.

Tiếng Anh⁽¹⁾ – một trong năm ngôn ngữ được UNESCO công nhận là thứ tiếng phổ biến trên thế giới – khoảng vài chục năm qua ngày càng mở rộng ảnh hưởng của mình trên trường quốc tế. Theo một tài liệu gần đây, người ta ước đoán có khoảng 2 tỷ người sử dụng tiếng Anh như là tiếng mẹ đẻ hoặc ngôn ngữ thứ hai và ngoại ngữ ở trên 100 quốc gia và các vùng lãnh thổ khác nhau; trong khi ở Việt Nam có khoảng 98% số lượng học sinh, sinh viên theo học tiếng Anh [6, tr.34-35]. Thêm nữa, từ lâu do tính phổ quát của tiếng Anh nên ngay trong nội bộ của ngôn ngữ này cũng đã dung nạp nhiều từ ngữ của các ngôn ngữ khác và dần dần người ta không quan tâm đến nguồn gốc của chúng⁽²⁾.

Chính trong điều kiện như thế, nhằm đạt được hiệu quả giao tiếp, việc tiếp nhận và sử dụng từ ngữ tiếng Anh trong các ngôn ngữ là điều không thể tránh khỏi. Vấn đề còn lại là cách tiếp nhận và sử dụng chúng ra sao lại tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau (như tập quán, quan điểm, tâm lý, hoàn cảnh xã hội, chính sách ngôn ngữ của mỗi nước...) nên việc xử lý các từ ngữ tiếng Anh cũng theo những cách khác nhau. Lấy ví dụ, khi *computer* được phổ biến khắp thế giới, người Việt gọi là “*máy tính/ máy vi tính*” (chứ ít khi hoặc không dùng “mua máy *computer*”/ “cài đặt chương trình cho máy *computer*”); trong khi người Hàn lại phiên âm “*computer*” theo cách đọc của họ là “컴퓨터”. Tương tự, với máy “*air conditioner*”, người Việt gọi là “*máy điều hoà/ máy điều hoà không khí/ máy lạnh*”

⁽¹⁾ Để thuận tiện, chúng tôi gọi “từ ngữ gốc Anh” là cách gọi khái quát chỉ chung cho cách hiểu “từ ngữ gốc Anh, Mỹ”.

⁽²⁾ Từ *coffee* là một ví dụ. Theo Phạm Ngọc Uyển, đầu tiên *caffé* trong tiếng Pháp xuất phát từ tiếng Ý mà từ này lại có nguồn gốc từ tiếng A rập là *quahwa*; hoặc như từ *jeans* cũng có nguồn gốc từ tiếng Pháp, sau đó mới du nhập vào tiếng Anh – Mỹ “Mấy vấn đề về từ Việt gốc Tây”, tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, 5 (7)/1995, tr.24).

(cách nói thông thường là “lắp máy lạnh”, “mở máy điều hoà”), trong khi người Hàn lại phiên âm và tính lược “~ditioner” thành “에어콘 [air-con]”.

Sự có mặt của nhiều từ ngữ tiếng Anh trong quá trình nói và viết tiếng Việt đã trở thành một hiện tượng xã hội và không phải chỉ mới diễn ra trong thời gian gần đây. Trong quá khứ, do điều kiện xã hội, do điều kiện tiếp xúc với thế giới bên ngoài còn hạn hẹp, các vị tiền nhân của chúng ta hầu hết chỉ biết chữ Hán và chỉ tiếp xúc với những từ ngữ gốc Anh – Mỹ thông qua sách vở của Trung Quốc nên không có cách nào khác ngoài âm đọc Hán Việt, vì thế mới có *Hoa Thịnh Đốn* ← ghi cho Washington, *Nữu Ước* ← New York, *Luân Đôn* ← London, *Phần Lan* ← Finland, *Ba Lê* ← Paris, *Đan Mạch* ← Denmark và những trường hợp khác như *Anh*, *Đức*, *Ý*, *Hà Lan*, *Thổ Nhĩ Kỳ*, v.v...

Sau khi thống nhất, đất nước còn bộn bề khó khăn, để thích ứng với trình độ dân trí khi ấy, chủ trương phiên âm các từ ngữ gốc Anh đã được áp dụng và tiến hành trong một thời gian dài. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đã nảy sinh hàng loạt vấn đề bất cập. Ví dụ như vấn đề nên hay không nên dùng dấu gạch nối tách âm tiết của từ (Washington → *Oa-sinh-ton* > < *Oasinhton*), thêm hay không thêm dấu thanh (Australia → *Ôt-xtrây-lia* > < *Ôt-xtrây-lia*, Arabia → *Á-rập* > < *A-rập*), vấn đề xử lý thế nào những trường hợp bảng chữ cái tiếng Việt không có như *f, j, z, w* và các tổ hợp phụ âm *sr, sh, cr/kr, pr, fl, str, cl...* (Shakespeare → *Séch-xpia* > < *Séc-xpia*, *Séc-spia*, Massachusetts → *Ma-sa-su-set* > < *Mas-sa-chu-set*, Bush → *Bu-sơ...*). Và cũng chính từ những sự thiếu nhất quán ấy, nhiều chuyên luận, nhiều cuộc hội thảo xoay quanh vấn đề này đã diễn ra nhằm đi tìm những giải pháp thích hợp, khả thi, kể cả giải pháp có tính chất pháp lệnh (thể hiện bằng các quy định của nhà nước). Tựu trung nội dung thảo luận quy tụ vào các điểm phiên hay không phiên âm và khi phiên âm thì phải phiên như thế nào cho thoả đáng về mặt ngữ âm và chữ viết⁽¹⁾. Ở đây cũng cần nhấn mạnh thêm rằng dù có cố gắng thế nào thì việc dùng con chữ của một ngôn ngữ này (ví dụ như tiếng Việt) để phiên âm từ ngữ của một ngôn ngữ khác (ví dụ như tiếng Anh) vẫn không phản ánh đúng bản chất ngữ âm của từ cần phiên.

Kết quả khảo sát sơ bộ của chúng tôi dưới đây (dựa vào cứ liệu tiếng Việt và tiếng Hàn trên các phương tiện thông tin đại chúng) cho thấy thực tế việc tiếp thu và sử dụng các từ ngữ gốc Anh (TNGA) ở hai ngôn ngữ Việt, Hàn diễn ra theo chiều hướng khác. Điều này nhằm khẳng định thêm nguyên lý cơ bản: ngôn ngữ mang tính xã hội, là tài sản chung của xã hội, hoạt động theo những quy luật phát triển của nó, do vậy một cá nhân (hay một nhóm người nào đó) muốn can thiệp, muốn xử lý các hiện tượng ngôn ngữ trong xã hội theo chủ kiến của mình thì hầu như khó đạt được kết quả. Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người, cho nên trong hoạt động nói năng, người sử dụng ngôn ngữ bao giờ cũng hướng đến mục đích là phù hợp với bối cảnh giao tiếp cũng như đạt được hiệu quả giao tiếp, vì thế việc xuất hiện các TNGA trong tiếng Việt cũng có lý do của nó.

⁽¹⁾ Theo thống kê trên 10 tờ báo lớn (vào khoảng 4 tháng của năm 1997), Nguyễn Cảnh Phúc cho biết có khoảng 77% giữ nguyên tự dạng, 10% giữ nguyên tự dạng có kèm giải thích, 9% viết theo phiên âm trực tiếp bằng chữ Việt có dùng dấu gạch nối, 2% phiên âm trực tiếp không dùng gạch nối, 2% ghi phiên âm trực tiếp viết liền. Tỷ lệ này cũng không đều ở các báo (bài “Thực trạng cách viết tên riêng tiếng Anh trên báo chí Việt Nam hiện nay”, tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 3 (29)/1998, tr.17).

2. Đôi nét về tình hình sử dụng những từ ngữ gốc Anh trong tiếng Việt hiện nay

Trong xu thế toàn cầu hóa cũng như trong điều kiện hội nhập và phát triển, tiếng Việt cũng phải vận động và phát triển theo hướng tích cực, đồng thời phải chứng tỏ được vị thế của mình trong giao lưu quốc tế. Bằng chứng là sau khi đất nước mở cửa, việc dạy tiếng Việt cho người nước ngoài đã phát triển mạnh hơn bao giờ hết, và tiếng Việt lại càng phải chứng tỏ năng lực của mình, đó là năng lực diễn đạt, là phương tiện giao tiếp cũng như công cụ của tư duy hữu hiệu nhất, quan trọng nhất trong mọi hoạt động xã hội. Bên cạnh đó, việc tiếp nhận, sử dụng TNGA trong hoạt động giao tiếp xã hội hiện nay là một hoạt động tất yếu.

Các TNGA thường xuất hiện trong tiếng Việt chủ yếu gồm những từ chỉ địa danh, nhân danh. Trong lĩnh vực khoa học, tiếng Việt cũng phải tiếp nhận những thuật ngữ khoa học mà hệ thống thuật ngữ tiếng Việt không có.

Để có cái nhìn tương đối về tình hình sử dụng những TNGA trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng như trong hoạt động giao tiếp xã hội, chúng tôi đã sơ bộ khảo sát một số báo như *Tuổi Trẻ* (TT), *Thanh Niên* (TN), *Sài Gòn giải phóng* (SGGP), *Pháp Luật* (PL), *Phụ Nữ TP.HCM* (PN), *Đất Việt* (ĐV), *Người Lao Động* (NLD), *Hoa học trò* (HHT), *Hà Nội Mới* (HNM), *Lao Động* (LĐ); các đài HTV7, HTV9, VTV1, VTV2, VTV3, VTV9. Thời gian khảo sát trong khoảng những tháng đầu năm 2010⁽¹⁾.

2.1. Trước hết, về lớp từ chỉ địa danh và nhân danh – những từ có tần số xuất hiện cao trên báo đài – kết quả khảo sát cho thấy:

- Các báo đài phía Nam có xu hướng giữ nguyên tự dạng những từ gốc Anh chỉ địa danh như *Canada, Massachusetts, New Zealand, Philippines, Singapore, (Bang) Utah, California, London, Los Angeles, New York, Sydney, Texas, Washington,...* Sự thống nhất cao trong việc giữ nguyên tự dạng của các báo đài phía Nam còn thể hiện qua những từ tiếng Anh ghi âm địa danh của những quốc gia, vùng lãnh thổ thuộc ngữ hệ khác như: *Afghanistan, Argentina, Brazil, Brunei, Chile, Israel, Pakistan, Palestine, Peru, Romania, Athens, Bangkok, Berlin, Brussels, Dubai, Kabul, Tel Aviv, Concepcion,...*

Riêng đối với những từ phiên chuyển qua cách đọc âm Hán Việt và đã thành truyền thống thì các báo đài cả phía Nam và phía Bắc đều xử lý như nhau. Ví dụ các trường hợp *Ai Cập, Ấn Độ, Ba Lan, Bỉ, Bồ Đào Nha, Đan Mạch, Pháp, Nhật Bản, Hà Lan, Hy Lạp, Ý, Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Thái Lan, Hàn Quốc, Đài Loan, Bắc Kinh, Bình Nhưỡng,...*

- Có những trường hợp lưỡng khả xuất hiện đây đó trên báo đài phía Nam và phía Bắc; điều này không loại trừ khả năng người viết chưa chú ý hoặc công tác biên tập chưa nhất quán. Chẳng hạn *Australia* có báo giữ nguyên tự dạng (TN, LĐ), có báo sử dụng theo cách gọi truyền thống là *nước Úc* (TT, PL, NLD, PN), hoặc dùng cả hai (SGGP).

- Có những trường hợp mà theo chúng tôi là khá đặc biệt như là *London, Moscow, Lebanon* vẫn chưa ổn định. Với *London*, do áp lực của hình thức phiên qua âm Hán Việt

⁽¹⁾ Những trường hợp cần đối chiếu, chúng tôi sẽ tham khảo các bài báo phát hành vào những năm trước trên báo điện tử.

trước đây (*Luân Đôn*) nên rải rác vẫn chưa có sự thống nhất, cụ thể là các báo TT, TN, PL, NLD, PN giữ nguyên dạng *London*, trong khi đài VTV viết *Luân Đôn*, còn báo SGGP và HNM lại dùng cả hình thức *London*, *Luân Đôn*. Tự dạng *Moscow* trong tiếng Anh được các báo xử lý cũng không nhất quán khi viết như: *Matxcova* (TT), *Moscow* (NLD), *Mátxcova* (HNM) hoặc cả hai hình thức *Moscow/ Mátxcova* (VTV). Với trường hợp *Lebanon*, chúng tôi thấy vẫn tồn tại hai hình thức giữ nguyên tự dạng *Lebanon* và phiên âm *Libăng/ Libăn* (TN, SGGP, TTONline) hoặc chỉ là phiên âm *Libăng/ Libăn* (HTV)⁽¹⁾.

- Riêng với nhân danh (bao gồm tên người, tên chức vụ, tên ấn phẩm, tên các cơ quan, tổ chức) thì hầu như các báo đài phía Nam đều giữ nguyên tự dạng. Chẳng hạn *Barack Obama*, *Gordon Brown*, *Hillary Clinton*, *Condoleeza Rice*, *George W. Bush*, *Michael Jackson*, *The Ghost Writer* (phim), *Avatar* (phim), *The hurt locker* (phim), *Queensland*, *Massachusetts*, *Harvard*, *Oxford* (Đại học),... Riêng chức vụ, hầu như các báo đều ghi nguyên tự dạng (trước đó có hoặc không ghi chức danh bằng tiếng Việt), đặc biệt là các trang quảng cáo, chẳng hạn: Giám đốc học vụ (*Academic Director*), *bartender*, Giám đốc nhãn hiệu (*Brand Manager*), *Medical Manager*, Quản lý căn hộ/ cao ốc (*Resident Managers*), Giám đốc điều hành (*Chief Executive Officer*), Trưởng bộ phận kỹ thuật (*Resident Engineers*), v.v...

Trong khi đó, chúng tôi thấy các báo đài phía Bắc vẫn giữ hình thức phiên âm xen lẫn với hình thức giữ nguyên tự dạng những địa danh: *Ôxtrâyliá*, *Chilê*, *Côoét*, *Mêhicô*, *Nigiê*, *Pakixtan*, *Palexтин*, *Philíppin*, *Xingapo*, *Indônêxia*, *Băng Cốc*, *Conxép-xon*, *Mátxcova*, *Niu Đêli*, *Niu Yoóc*, *Xantiagô*, *Xê-un*, *Pa-ri*, *Xít-ni*, *Têhêran*, *Tô-ky-ô*, *Oasinhton*, *Manvinát* (đảo Malvinas)... Ngay cả với những địa danh gắn liền với những sự kiện nóng hổi, mới xảy ra như vụ quân đội đảo chính Tổng thống Tamadou Tandja của nước Cộng hoà *Niger* (Republic of Niger) vào ngày 18/2/2010 đều được các báo đưa tin và giữ nguyên tự dạng “*Niger*” nhưng báo NHM lại ghi bằng hai hình thức *Nigiê* và *Niger*.

Đối với nhân danh, hiện tượng này cũng thấy rải rác: *Barắc Ôbama*, *Gôđon Brao*, *Bu-sơ*,... (HNM).

Trong nhóm các từ địa danh, nhân danh tiếng Anh, chúng tôi cũng chú ý đến các từ viết tắt. Nhìn chung, do tồn tại dưới dạng viết tắt nên hầu hết khi sử dụng trên báo đài chúng được xử lý như nhau về mặt hình thức. Thường thì người viết chuyển nghĩa tiếng Việt các từ viết tắt và chú thích tự dạng bên cạnh. Ví dụ: *Hội đồng gổ Đông Nam Á* (AFIC), *Chỉ số giá tiêu dùng* (CPI), *Ngân hàng Phát triển Châu Á* (ADB),... Cũng có vài trường hợp việc chuyển nghĩa sang tiếng Việt chưa nhất quán như: *EU* được chuyển thành *Liên minh châu Âu* (báo TT, SGGP, LĐ), *Liên hiệp châu Âu* (báo PN, NLD); *UAE* được viết là *Tiểu vương quốc Arab thống nhất* (SGGP), *Các tiểu vương quốc Arập thống nhất* (HNM), *Tiểu vương quốc A-rập thống nhất* (PN).

2.2. Bên cạnh những từ chỉ địa danh, nhân danh như trên, những TNGA xuất hiện trên báo chí và đời sống xã hội trong mấy mươi năm qua cũng là một hiện tượng đáng lưu

⁽¹⁾ Ở đây cũng cần lưu ý rằng đối với các ngôn ngữ không thuộc hệ thống chữ Latin như ngữ hệ Slave, Sanskrit, chữ khối vuông (như tiếng Hán, Hàn, Nhật)... thì trong giao dịch quốc tế, các nước đều có những quy định thống nhất cách phiên Latin như *Moscow*, *Hungary*, *Afghanistan*, *Brunei*, *Kuwait*, *Seoul*, *Tokyo*, *Beijing*, *Tehran*, *Tel Aviv*... Tuy nhiên, vẫn có vài trường hợp không thống nhất cách ghi như *Moscow*, *Lebanon* ở trên.

ý. Hoà theo tốc độ phát triển của kinh tế thế giới, nhiều ngành kinh tế, kỹ thuật, truyền thông nước ta cũng phát triển theo. Và trong xu thế ấy, nhiều thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành cũng du nhập vào nước ta, đáng lưu ý là lớp thuật ngữ tin học, viễn thông và thị trường chứng khoán. Lớp thuật ngữ trong những lĩnh vực này khá lớn và mang tính đặc thù nên việc xử lý và vận dụng chúng có những cách khác nhau. Chẳng hạn, thị trường chứng khoán là lĩnh vực đầu tư, kinh doanh tài chính mang tính phổ biến với sự tham gia của nhiều giai tầng xã hội nên xu hướng phiên các từ ngữ tiếng Anh sang nghĩa tiếng Việt (có chú thích từ nguyên dạng bên cạnh) là xu hướng phổ biến trên các báo đài. Ví dụ: *người môi giới (broker)*, *lệnh giới hạn (limit order)*, *cổ phiếu thường/ phổ thông (common stock)*, *cổ phiếu ưu đãi (preferred stock)*, *trái phiếu (bond)*, *cổ phiếu OTC (Over the counter stocks)*,... Việc chuyển nghĩa này thuận tiện cho nhiều giới, ngay cả người bình dân có thể nắm bắt tình hình thị trường chứng khoán.

Trong khi đó, các thuật ngữ tin học, viễn thông hầu như được báo đài và nhiều nhóm xã hội sử dụng dưới dạng nguyên tự⁽¹⁾. Thực tế là việc giữ nguyên dạng TNGA trong lĩnh vực thông tin viễn thông có tính ích lợi nhất định. Thực tế là người sử dụng rất khó có thể tìm hoặc nếu tìm được một từ ngữ tiếng Việt nào có nghĩa tương đương với các từ thuộc lĩnh vực này thì khi nói người ta vẫn có xu hướng dùng nguyên dạng như *power point*, *search*, *reply*, *scan*, *copy*, *paste*, *save*, *folder*, *laptop*, *undo typing*, *update*, *online*, *email*, *blog*, *entry*, *nickname*, *admin*, *hacker*, *webcam*, *chat*,⁽²⁾... Theo chúng tôi, việc giữ nguyên dạng các từ thuộc lĩnh vực tin học, viễn thông hiện nay mang lại nhiều lợi ích, chí ít nó cũng giúp cho người học nhớ được nguyên tự dạng để dễ dàng tra cứu các tài liệu chuyên ngành, nhất là tài liệu trên mạng internet.

2.3. Ngoài những lĩnh vực nêu trên, những TNGA được dùng trong đời sống xã hội cũng cần được khảo sát, tìm hiểu một cách thấu đáo. Hiện nay, chúng tôi vẫn chưa có điều kiện thu thập hết những TNGA đã và đang đi vào đời sống xã hội. Quan sát trên báo đài, chúng tôi thấy những từ đã đi vào hệ thống từ vựng tiếng Việt và ổn định dưới dạng phiên âm như (xe) *buýt*, *tắc xi*, *ô tô*, *vi rút*, *gas* (phát âm “ga”), *đề pa*, (chạy) *sô*, *a-xít*, *mô típ*, *sai* (size), *mít tin*, *căng tin*, *sép*, (quầy) *bar*, (tiền) *cát xê*, *xi măng*, *xi-căng-đan*, *mát-xa*, (bị) *sốc*, (đoạt) *cúp*, *sút* (bóng), (xem) *phim*, *garage*⁽³⁾; bên cạnh đó, có những từ gần như đã được chuyển nghĩa hẳn sang tiếng Việt như *máy tính*, *máy lạnh*, *máy giặt*,... làm cho hệ thống từ vựng tiếng Việt ngày càng phong phú. Tuy nhiên, thực tế là số lượng những từ được dùng trong xã hội dưới dạng nguyên tự vẫn chiếm số lượng đáng kể như *festival*, *cotton*, *container*, *hattrick*, *game*, *gel*, *laser*, *liveshow*, (độ) *richter* (báo HNM viết là “ríchte”), (bị) *stress*, *resort*, *fast food*, *zoom*, *talkshow*, *teen*, *video clip*, *hamburger*, *snack*, *cocktail*, *jeans*, *slogan*, *shopping*, *fan*, *poster*... Một số ví dụ dẫn từ báo:

⁽¹⁾ Một thống kê cho thấy 97,2% sinh viên kỹ thuật dùng trực tiếp thuật ngữ tiếng Anh trên máy tính. Trong khi làm việc, người nói cũng thường dùng các lệnh bằng các từ gốc Anh theo cách phát âm của người Việt: «Click đi!», «Mở *phai* (file)», «En tơ (enter) đi» [Nguyễn Thị Kim Thanh, “Về việc sử dụng thuật ngữ tin học hiện nay”, tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, 6 (68)/2001, tr. 25-26].

⁽²⁾ Thực ra những nhà chuyên môn trong lĩnh vực này cũng đã cố gắng chuyển nghĩa thuật ngữ sang tiếng Việt nhưng nội dung ngữ nghĩa lại không nhất quán. Chẳng hạn, từ *access* đã được chuyển sang tiếng Việt với 11 trường hợp: *lối vào*, *sự cho vào*, *đến gần*, *đường vào*, *sự truy cập*, *sự truy tìm*, *sự truy đạt*, *sự truy xuất*, *sự thâm nhập*, *sự mở để xem file*, *cửa vào*... [theo Nguyễn Thị Kim Thanh, nt].

⁽³⁾ Tuy nhiên cũng có vài trường hợp báo đài viết nguyên dạng; chẳng hạn từ *xi măng*, *xi-căng-đan*, *mát-xa* thỉnh thoảng xuất hiện nguyên tự dạng *cement*, *scandal*, *massage*, *garage* (trên báo TN, TT với tần suất thấp) nhằm vào mục đích đặc biệt nào đó như tên bảng hiệu, đơn vị, tổ chức.

(1) Chia tay, dĩ nhiên Dania Dilema Palsu đã không quên book phòng trước ở nhà Hiền (TT. 28/2/2010).

(2) Mỹ Hiền – một “freelancer” chuyên viết quảng cáo ở TP. Hồ Chí Minh (TT. 28/2/2010).

(3) (...) Philip Kotler, cha đẻ của thuyết marketing hiện đại phân tích trường hợp điển hình trong sách *Thinking Asean* của ông vào năm 2007 (SGGP 1/3/2010).

(4) (...) giới thương gia lắm tiền nhiều của thì đưa vợ đi shopping mua sắm (...) (SGGP 1/3/2010).

(5) Bác sỹ có tư vấn cho chị sử dụng gel bôi trơn (...) (SGGP 1/3/2010).

(6) Mới 15 tuổi, cách nói chuyện vẫn còn nguyên sự tinh nghịch của tuổi teen, nhưng Nguyễn Thị Kim Tuyền đang là tài năng triển vọng nhất của bơi lội TP. Hồ Chí Minh (PN. 23/2/2010).

Festival thơ Nguyên tiêu Phú Yên (TN 26/2/2010)

2.4. Nhìn chung, sử dụng TNGA trong tiếng Việt hiện nay là một xu thế tất yếu. Thực tế là chúng ta đã có những cách xử lý khác nhau đối với chúng, trong đó việc giữ nguyên dạng là một xu hướng khá phổ biến, phù hợp với trình độ dân trí nước ta hiện nay. Chúng tôi thấy việc này diễn ra bình thường trên báo đài. Một vài ví dụ:

(8) Đọc những entry và những comment của họ, ta bỗng thấy nhẹ người. (PN CN 28/2/2010).

(9) (...) thí sinh chỉ cần điền đầy đủ thông tin và một cú enter (ra kết quả),... (TT 1/3/2010).

(10) Với việc xuất hiện các loại điện thoại 2 sim, 2 sóng online giá vài trăm ngàn đồng và quy định khuyến mãi khi tặng thẻ nạp không quá 50% giá trị (...) (SGGP, 23/2/2010).

(11) Designer Phạm Thu Hà, người cùng tạo hình trên mái nhà với các cô gái Mường nói, cô tham gia chương trình vì công việc tạo hình rất gần với công việc của mình (TN 27/2/2010).

Tuy nhiên, gần đây có vài ý kiến lo ngại về tình hình lạm dụng tiếng Anh trong khi nói và viết của giới trẻ trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là các ấn phẩm dành cho thanh thiếu niên. Hiện tượng này cũng đặc biệt diễn ra rất phổ biến trên ngôn ngữ mạng. Theo thiên ý của chúng tôi, đây không phải là hiện tượng đặc biệt trong một xã hội phát triển, bởi lẽ đứng ở góc nhìn của ngôn ngữ học xã hội thì *ngôn ngữ chat*, *ngôn ngữ 8X*, *9X*, hay *mật mã @...* thật ra chỉ là những biến thể ngôn ngữ dùng trong một nhóm xã hội nào đó, mang tính lâm thời, tồn tại có thời đoạn trong nhóm ⁽¹⁾.

3. Về những từ ngữ gốc Anh trong tiếng Hàn

Tiếng Hàn (cách gọi thông thường thay cho “tiếng Triều Tiên”) thuộc loại hình ngôn ngữ chấp dính (*Agglutinate*). Về tự dạng, tiếng Hàn là chữ vuông, ghi âm. Đặc điểm loại

⁽¹⁾ Các nhà ngôn ngữ Thái Lan lại coi các biến thể này là hiện tượng thú vị, cần quan tâm nghiên cứu, thậm chí tập hợp thành từ điển để bảo lưu [Theo *Dân trí*, *Đừng hoảng hốt vì ngôn ngữ tuổi “teen”*, 18/8/2007].

hình này kết hợp với những yếu tố khác (như tập quán, tâm lý, quan điểm, ý thức xã hội, ý thức dân tộc...) khi tiếp nhận và sử dụng các từ ngữ gốc Anh khi nói, viết khác với các ngôn ngữ khác. So với tiếng Việt – ngôn ngữ sử dụng chữ Latin, tiếng Hàn dung nạp các từ ngữ gốc Anh theo xu hướng phiên âm. Do đặc điểm ngữ âm của tiếng Hàn có nhiều dị biệt với tiếng Anh nên việc phiên âm có những quy tắc chuyển hóa khá đặc biệt. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn nêu ra những trường hợp xử lý các TNGA trong tiếng Hàn.

3.1. Trong đời sống xã hội, hầu như người Hàn đều phiên chuyển các TNGA sang hệ thống chữ viết tiếng Hàn. Hàn Quốc đã có một quãng thời gian dài tiếp xúc với tiếng Anh nên có nhiều từ thông dụng trong cuộc sống được “Hàn hoá” khá mạnh đến nỗi nó trở thành một bộ phận trong hệ thống từ vựng tiếng Hàn và được toàn xã hội chấp nhận, xuất hiện thường trực trên ti vi, được đưa vào từ điển như **펜** (*pen*), **스포츠** (*sports*), **카드** (*card*), **라이터** (*lighter* = *bật lửa*), **캡** (*cap*), **뉴스** (*News*), **페이지** (*page*), **빌딩** (*building*), **컵** (*cup*), **퍼센트** (*percent*), **세미나** (*seminar*), **키스** (*kiss*), **프로그램** (*progarm*),...

Hiện tượng tiếp nhận và “Hàn hoá” các TNGA có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có thể do hệ thống từ vựng tiếng Hàn không có từ tương đương đối với những vật, những khái niệm mới mà đất nước Hàn trước đó không có; chúng được nhập vào Hàn Quốc cùng với tên gọi của chúng. Có thể nêu một số loại như dưới đây:

- Các loại trái cây, thực phẩm: **버터** (*butter*=*bơ*), **치즈** (*cheese* = *pho mát*), **칵테일** (*cocktail*), **토마토** (*tomato*), **햄** (*ham* = *thịt nguội*), **햄버거** (*hamburger*), **바나나** (*banana*), **바인애플** (*pineapple*), **멜론** (*melon*), **오렌지** (*orange*), **배** (*pear*), **커피** (*coffee*), **아이스크림** (*ice cream*), **수우프** (*soup*), **껌** (*gum* = *kẹo cao su*), **비프스테이크** (*beef steak*), **샌드위치** (*sandwich*), **오렌지주스** (*orange juice*)...

- Các loại thuộc trang phục, thời trang: **드레스** (*dress*), **셔츠** (*shirt*), **재킷** (*jacket*), **코트** (*coat*), **웨딩드레스** (*wedding dress*), **스웨터** (*sweater*), **샌달** (*sandal*), **캡** (*cap*),...

- Các từ liên quan đến thể thao (*sports*): **스포츠**: **테니스** (*tennis*), **해트트릭** (*hattrick*), **스키** (*ski*), **볼링** (*bowling*), **골프** (*golf*), ...

- Các từ thuộc lĩnh vực kinh tế: **마케팅** (*marketing*), **브로커** (*broker*), **서비스** (*service*), **슈퍼마켓** (*supermarket*), **슬로건** (*slogan*), **로고** (*logo*), ...

- Các loại khác: **코미디** (*comedy*), **허니문** (*honeymoon*), **투어** (*tour*), **리조트** (*resort*), **버스** (*bus*), **기타** (*guitar*), **드라마** (*drama*), **파티** (*party*), **마스크** (*mask* = *mặt nạ/ khẩu trang*), **메뉴** (*menu*), **아파트** (*apart.* = *căn hộ*), **타워** (*tower*), **택시** (*taxi*), **게임** (*game*), **페스티벌** (*festival*), **호텔** (*hotel*), **리스트** (*list*),...

Như vậy, có thể thấy trong đời sống xã hội, người Hàn có xu hướng dùng những từ tiếng Anh có tần suất xuất hiện cao. Tuy nhiên, khi trình bày trên các bảng hiệu, các

phương tiện công cộng, các sản phẩm, các thông báo chỉ dẫn, máy rút tiền,... nếu có tiếng Anh, người Hàn đều phiên âm theo cách đọc của người Hàn. Điều này vừa thể hiện tính tự tôn hệ thống chữ Hangul vừa vô tình buộc người nước ngoài phải biết đọc chữ Hàn.

3.2. Tương tự như Việt Nam, ngành công nghệ thông tin, viễn thông ở Hàn Quốc cũng phát triển rất mạnh. Và khi tiếp xúc với kỹ thuật công nghệ máy tính, thông tin, người Hàn cũng tiếp nhận luôn hệ thuật ngữ của ngành nhưng hầu hết đều phiên sang âm đọc tiếng Hàn. Ví dụ: 홈페이지 (*homepage*), 이메일 (*email*), 소프트웨어 (*software*) 엔트리 (*entry*), 네트워크 (*network*), 온라인 (*online*), 닉네임 (*nickname*), 다운로드 (*download*), 데이터 (*data*), 디지털 (*digital*), 그레이드업 (*upgrade* = *nâng cấp*), 로그아웃 (*log out*), 로그인하다 (*log in*), 블로그 (*blog*), 네티즌 (*netizen*), 스파웨어 (*spyware*), 로밍 (*roaming*), 블루투스 (*bluetooth*), 카메라 (*camera*), 비디오 (*video*), 컴퓨터 (*computer*), 핸드폰 (*hand phone*), 키보드 (*keyboard*), 오디오 (*audio*)...

3.3. Đối với các TNGA chỉ địa danh và nhân danh, khi đi vào hoạt động giao tiếp xã hội, người Hàn cũng chủ trương phiên âm toàn bộ.

Tên các quốc gia, vùng lãnh thổ, các địa phương đều được thể hiện dưới dạng âm đọc tiếng Hàn. Chúng được phiên và đưa vào sách giáo khoa, từ điển hoặc xuất hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng. Chẳng hạn: 캐나다 (*Canada*), 멕시코 (*Mexico*), 브라질 (*Brazil*), 필리핀 (*Philippines*), 뉴질랜드 (*New Zealand*), 프랑스 (*France*), 사우디아라비아 (*Saudi Arabia*), 자바 (*Java*), 잠비아 (*Zambia*), 필리델피아 (*Phila Delphia*), 보스턴 (*Boston*), 런던 (*London*), 모스크바 (*Moscow, Moskva*), 파리 (*Paris*), 시드니 (*Sydney*), 니제르 (*Niger*),...

Cũng như người Việt, trong quá khứ người Hàn sớm tiếp xúc với Hán tự và do vậy có một số địa danh còn mang dấu ấn của cách đọc truyền thống và đã ổn định về mặt hình thức. Đó là phiên âm các địa danh qua âm đọc Hán - Hàn. Chẳng hạn: 미국 (*Mi kuk* = *Mỹ Quốc*), 영국 (*Yeong kuk* = *Anh Quốc*), 중국 (*Jung kuk* = *Trung Quốc*), 일본 (*Il bon* = *Nhật Bản*), 태국 (*The kuk* = *Thái Quốc/ Thailand*),...

Riêng với nhân danh (bao gồm tên người, tên chức vụ, tên ấn phẩm, tên các cơ quan, tổ chức) thì hầu như các báo đài đều phiên âm sang âm đọc của người Hàn. Ngay trong các giáo trình dạy tiếng Hàn cho người nước ngoài⁽¹⁾, người Hàn đều ghi theo cách này. Ví dụ: 마리 (*Marie*), 윌슨 (*Wilson*), 존스 (*Jones*), 잼임스 (*James*), 마이클 (*Michael*), 피터 (*Peter*), ...

⁽¹⁾ Giáo trình *Pathfinder in Korean*, 한국어 I, Ewha Womans University, 1999; giáo trình 한국어 I, Seoul National University, 1995.

Các danh từ chỉ nghề nghiệp, chức vụ cũng được phiên âm: **바텐더** (*bartender*), **디자이너** (*designer*), **시니어** (CEO: *Chief Executive Officer*).

Có một hiện tượng khá thú vị, đó là trong xưng hô, các từ để gọi như Mr., Miss, Mrs. đã được người Hàn dùng để gọi người đối thoại trong giao tiếp như “Mr. Kim”, “Miss Park”, “Mrs. Lee”. Do vậy từ lâu, những từ này trở thành những từ cửa miệng khi cần xưng hô và người Hàn phiên âm thành **미스** (*Miss*), **미스터** (*Mr.*), **미시즈** (*Mrs.*) trên các văn bản.

Gần đây, có một hiện tượng lạm dụng tiếng Anh trong xã hội người Hàn, đó là việc dùng những từ tiếng Anh mà trong tiếng Hàn có và rất phổ biến. Từ **와이프** (*wife*) là một ví dụ. Mặc dù trong tiếng Hàn đã có từ thuần Hàn “아내” (*vợ*) nhưng không hiểu vì sao gần đây người ta rất thích dùng **와이프** (*wife*) trong khi nói và viết.

Đối với tên các cơ quan, đơn vị, tổ chức, trường học, người Hàn cũng có xu hướng phiên âm âm đọc tiếng Hàn nhưng có thể dựa trên phương thức ghép TNGA với từ Hán-Hàn. Ví dụ “**옥스퍼드대학**” là cách ghi cho “*Oxford University*”, trong đó có sự kết hợp **옥스퍼드** (*Oxford*) + **대학** (*Dae hak*: âm Hán-Hàn); **하버드대학** ghi cho “*Harvard University*” trong đó có sự kết hợp **하버드** (*Harvard*) + **대학** (*Dae hak*),...

3.4. Nhìn chung, tình hình phiên âm triệt để như trên có thể tạo thuận lợi trong việc phát âm, phạm vi ứng dụng cho mọi giai tầng xã hội người Hàn. Tuy nhiên, một trở ngại mà người Hàn cũng cần khắc phục là hình thức phiên âm theo con chữ Hàn thường gây cản trở khi cần khôi phục nguyên dạng trong quá trình viết, tiếp thu các văn bản tiếng Anh.

Theo một cuộc thăm dò với quy mô lớn vào năm 2007, Viện Ngôn ngữ Hàn Quốc đã công bố kết quả khảo sát trên 2039 nam nữ (có độ tuổi từ 20 đến trên 50, đa dạng về nghề nghiệp, nơi sinh, trình độ văn hóa...) về nhận thức, thái độ của họ trong sự xuất hiện ngày càng nhiều của từ nước ngoài (chủ yếu là tiếng Anh). Kết quả là có 863 người trả lời “*thỉnh thoảng có sử dụng*” chiếm 42,3%; có 243 người “*thường xuyên sử dụng*” chiếm 11,9 %; có 294 người “*sử dụng không nhiều*” chiếm 14,4%; số người “*hoàn toàn không muốn sử dụng*” là 44 người, chiếm 2,2%. Về quan điểm, khi thấy người khác dùng ngoại ngữ, trong 2039 người được khảo sát cho biết: *việc đó là bình thường* (1226 người, chiếm 60,1%; *cảm thấy việc đó có vẻ lịch sự, tao nhã* (378 người, 18,5%); *trông có vẻ kiêu kỳ* (162 người, 7,9%); *mất tính dân tộc* (99 người, 4,9%); *cho có vẻ học thức* (81 người, 4%); *cảm thấy thiếu tế nhị* (19 người, 0,9%), v.v. Đối với hoạt động quảng cáo buộc phải dùng tiếng Anh (đã phiên sang âm đọc tiếng Hàn), người ta cũng có những quan điểm khác nhau. Trong 2039 người được hỏi có: 506 người (chiếm 24,8%) *cảm thấy không có gì đặc biệt*; 382 người (chiếm 18,7%) cho rằng *trông sẽ linh hoạt hơn*; 344 người (chiếm 16,9%) cho rằng *cảm thấy mới mẻ và tao nhã*; có 247 người (chiếm 12,1%) cho rằng *khó hiểu*; 222 người (10,9%) lại nghĩ vì *xu thế hội nhập với phương Tây cho nên sử dụng là tốt, cần thiết*; có 157 người (chiếm 7,7%) phản đối vì *như thế sẽ làm mất tính dân tộc* v.v. (dẫn lại từ [7]).

4. Tạm kết

Từ những điều đã trình bày ở trên, chúng tôi muốn nêu mấy nhận định chung như sau:

- Ngôn ngữ là hiện tượng xã hội đặc biệt, là tài sản của xã hội. Ngôn ngữ tồn tại và phát triển theo những quy luật khách quan, do vậy cộng đồng sử dụng ngôn ngữ luôn có cách xử lý, cách vận dụng phù hợp các yếu tố bên ngoài vào ngôn ngữ bản địa. Xã hội phát triển đã nâng dân trí của người dân ngày một cao và ngôn ngữ cũng phát triển theo, đáp ứng tốt mọi hoạt động giao tiếp trong cộng đồng xã hội và quốc tế. Chính vì thế, chúng ta cần có cái nhìn khách quan, hợp quy luật phát triển để đánh giá các từ ngữ nước ngoài du nhập vào tiếng Việt.

- Nhìn chung, những khác biệt trong việc vận dụng và xử lý về mặt hình thức và nội dung các TNGA trong tiếng Việt và tiếng Hàn là điều tất yếu bởi nó xuất phát từ nhiều yếu tố (như đặc trưng loại hình ngôn ngữ, loại hình văn tự, tâm lý, tập quán, quan điểm xã hội, chính sách ngôn ngữ của mỗi quốc gia...) nhưng trên hết, mỗi ngôn ngữ phải được vận động và vận động theo những quy luật khách quan.

- Cũng cần phải nhấn mạnh đến vai trò của báo chí, phát thanh truyền hình, của hệ thống thông tin viễn thông trong việc xử lý các TNGA vào trong tiếng Việt cũng như tiếng Hàn. Ảnh hưởng của các phương tiện này đến người sử dụng các TNGA vào trong giao tiếp xã hội là rất lớn, và do vậy, các cấp quản lý cần chú trọng đến một mặt bằng chung trong việc tiếp nhận và sử dụng các TNGA.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Mai Đào, “Hiện tượng dùng chêm tiếng Anh trên một số tạp chí dành cho thanh thiếu niên Việt Nam”, tạp chí *Ngôn ngữ & Đời sống*, 10 (168), 2009.
2. Phạm Văn Đồng, *Trở lại vấn đề: vì sự trong sáng và phát triển của tiếng Việt*, tạp chí *Ngôn ngữ*, 6, 1999.
3. Nguyễn Văn Khang, “Về bản dự thảo Quy định cách viết, cách đọc tên riêng nước ngoài trong các văn bản quản lý nhà nước”, tạp chí *Ngôn ngữ & Đời sống*, 6 (128), 2006.
4. Nguyễn Thị Kim Loan, 2009, “Về việc chuẩn hoá chính tả từ nước ngoài trên báo Hà Nội Mới”, tạp chí *Ngôn ngữ & Đời sống*, 5 (163), 2009.
5. NXB DooSan Dong A, *Prime English-Korean Dictionary –프라임-영한사전*, 2008.
6. Phan Văn Quế, *Tiếng Anh có trở thành ngôn ngữ toàn cầu?*, tạp chí *Ngôn ngữ & Đời sống*, 5 (91), 2003.
7. Nguyễn Thị Thuý Kiều, *Tìm hiểu những từ ngữ tiếng Hàn gốc Anh*, Trường Đại học Lạc Hồng, 2009.
8. Trần Văn Tiểng, *Bàn thêm về cauc haäu toá chæ ngồôôi goác Hán - Hàn*, Những vấn đề văn hóa, xã hội và ngôn ngữ Hàn Quốc, NXB Năi hoic Quốc gia TP.HCM, 2002.

9. Hội Ngôn ngữ học VN – Hội Ngôn ngữ học TP.HCM – Trường ĐHKHXH & NV TP.HCM, *Tiếng Việt trên các phương tiện thông tin đại chúng*, Kỷ yếu, 1999.